

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1649/UBND – NV
V/v yêu cầu báo cáo cải cách
hành chính 6 tháng đầu năm 2021

Cẩm Xuyên, ngày 10 tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Trưởng các phòng: Nội vụ; Tài chính - Kế hoạch,
Tur pháp, Văn hóa - Thông tin, Kinh tế - Hạ tầng;
- Văn phòng HĐND - UBND huyện.

Thực hiện Công văn số 1006/SNV-CCHC&VTVL ngày 08/6/2021 của Sở Nội vụ về việc Báo cáo cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2021. Để có số liệu chính xác báo cáo UBND tỉnh và Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các phòng, đơn vị theo lĩnh vực phụ trách thực hiện báo cáo kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021, cụ thể:

1. Nội dung báo cáo:

- Các Phòng phụ trách lĩnh vực CCHC căn cứ vào kết quả CCHC thực tế đạt được trong triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 để xây dựng báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2021;
- Nội dung báo cáo theo Phụ lục I, đồng thời cung cấp số liệu đầy đủ, chính xác theo Phụ lục II gửi kèm.

2. Thời hạn báo cáo:

- Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021.
- **Chậm nhất 9h, ngày 15/6/2021** phải gửi về UBND huyện (gửi Văn bản điện tử: Bản mềm và bản ký số qua phòng Nội vụ, theo địa chỉ trên hệ thống TD-Office) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Nội vụ theo quy định.

Nhận được công văn, yêu cầu các phòng, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc và kịp thời./.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Hoàng Anh

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Công văn số 1649 /UBND-NV ngày 10/6/2021 của UBND huyện)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Cẩm Xuyên, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021

Thực hiện Văn bản số/UBND-NV ngày .../6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2021, (Tên cơ quan, đơn vị) báo cáo công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

- 1. Công tác chỉ đạo, điều hành**
- 2. Cải cách thể chế**
- 3. Cải cách thủ tục hành chính**
- 4. Cải cách tổ chức bộ máy**
- 5. Cải cách công vụ**
- 6. Cải cách tài chính công**
- 7. Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử:**
 - 7.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị**
 - 7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị**
- 8. Mức độ thu hút đầu tư**
- 9. Tỷ lệ Doanh nghiệp thành lập mới trong năm**
- 10. Tỷ lệ đóng góp của Doanh nghiệp vào thu ngân sách của địa phương**
- 11. Thực hiện thu ngân sách**

Lưu ý:

- Thống kê rõ số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC năm 2021 đã hoàn thành theo khung nhiệm vụ của KH cải cách hành chính năm 2021, nêu chi tiết kết quả đạt được của từng nhiệm vụ;

- Báo cáo theo thứ tự nội dung và cung cấp đầy đủ số liệu tại Phụ lục II gửi kèm.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- 1. Tồn tại, hạn chế**
- 2. Nguyên nhân**

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1...

2...

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC 6 tháng đầu năm 2021 của (cơ quan, đơn vị, địa phương) và một số nhiệm vụ CCHC trọng tâm trong thời gian tới, (cơ quan, đơn vị, địa phương) báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp./.

Nơi nhận:

.....

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**
(ký tên và đóng dấu)

.....

Phụ lục II
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH UBND HUYỆN CẨM XUYÊN
(Ban hành kèm theo Công văn số 1649 /UBND-NV ngày 10/6/2021 của UBND
huyện)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		Thống kê, đối chiếu và nêu chi tiết kết quả đạt được theo Phụ lục 1B
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản		
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Chỉ UBND cấp huyện báo cáo
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục		
3.2.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%		Sở, ban, ngành và các cơ quan Trung ương báo cáo
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%		UBND cấp huyện báo cáo
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình	%		UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình (ở cả 3 cấp).	%		Sở Tài nguyên - Môi trường; UBND cấp huyện báo cáo
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn, đúng quy trình (ở cả 3 cấp).	%		Sở Xây dựng; UBND cấp huyện báo cáo
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 4)
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		UBND cấp huyện báo cáo
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	trường hợp đặc biệt.			
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành hoặc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành hoặc thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của đơn vị			
7.1.1	Chất lượng Công thông tin điện tử	Theo QĐ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		2394/QĐ-UBND của UBND tỉnh		
7.1.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.1.3	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.1.5	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong CQNN được phê duyệt theo cấp độ: Tỷ lệ = số hệ thống thông tin được phê duyệt theo cấp độ/tổng số hệ thống thông tin CQNN thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn	Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa		
7.1.6	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.1.6.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		UBND cấp huyện báo cáo
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		UBND cấp huyện báo cáo
7.1.6.2	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.1.7	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.1.7.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.7.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.1.8	Dịch vụ công trực tuyến			
7.1.8.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.1.8.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.1.8.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.1.8.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		
7.1.9.	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích			
7.1.9.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	%		
7.1.9.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%		
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị			
7.2.1	Ban hành các văn bản (Kế hoạch, Quyết định, Công văn...) liên quan đến việc xây dựng áp dụng, duy trì cải tiến ISO 9001 tại cơ quan và tại các đơn vị (địa phương) trực thuộc	Văn bản		
7.2.2	Việc áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị/địa phương trực thuộc			
7.2.2.1	Số đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị		
7.2.2.2	Số đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã triển khai mới trong năm	Đơn vị		
7.2.3	Việc ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại cơ quan			
7.2.3.1	Ban hành danh mục tài liệu HTQLCL; Công bố/công bố lại khi có sự mở rộng, thu hẹp hệ thống theo quyết định 19/2014/QĐ-TTg	Quyết định		
7.2.3.2	Tổng số quy trình nội bộ TTHC được áp			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	dụng tại cơ quan			
7.2.3.3	Số lần thay đổi quy trình nội bộ thủ tục hành chính trong quý/6 tháng/năm	Lần		
7.2.3.4	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc đang được áp dụng tại cơ quan	Quy trình		
7.2.3.5	Số quy trình nội bộ giải quyết công việc được xây dựng trong quý/6 tháng/năm	Quy trình		
7.2.4	Ban hành mục tiêu chất lượng và đánh giá việc thực hiện			
7.2.4.1	Số lượng chỉ tiêu được đưa vào mục tiêu chất lượng của cơ quan trong năm	Chỉ tiêu		
7.2.4.2	Đánh giá mức độ đạt được các chỉ tiêu đã đề ra trong quý/6 tháng/năm	%		
7.2.5	Việc vận hành và áp dụng quy trình trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.2.5.1	Số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng quy trình nội bộ TTHC	Hồ sơ		
7.2.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc được thực hiện theo quy trình giải quyết công việc	Hồ sơ		
7.2.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC và giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình	%		
7.2.6	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu			
7.2.6.1	Số lượng cặp file hồ sơ, tài liệu được tạo lập mới	Cặp file		
7.2.6.2	Tỷ lệ % hồ sơ, tài liệu được sắp xếp, lưu trữ theo đúng quy định về ISO (theo hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản)	%		
7.2.7	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ			
7.2.7.1	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận được đánh giá	%		
7.2.7.2	Tỷ lệ phòng, ban, bộ phận có kết quả đánh giá đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn	%		